

Mã đề: 347

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban Chuyên môn Tuyensinh247.com

Câu 1. C	Câu 11. A	Câu 21. B	Câu 31. D	Câu 41. B
Câu 2. B	Câu 12. D	Câu 22. A	Câu 32. C	Câu 42. D
Câu 3. C	Câu 13. C	Câu 23. C	Câu 33. A	Câu 43. C
Câu 4. B	Câu 14. B	Câu 24. A	Câu 34. B	Câu 44. B
Câu 5. D	Câu 15. C	Câu 25. B	Câu 35. C	Câu 45. A
Câu 6. B	Câu 16. A	Câu 26. A	Câu 36. A	Câu 46. D
Câu 7. C	Câu 17. C	Câu 27. C	Câu 37. B	Câu 47. C
Câu 8. A	Câu 18. C	Câu 28. D	Câu 38. B	Câu 48. A
Câu 9. A	Câu 19. D	Câu 29. D	Câu 39. A	Câu 49. A
Câu 10. B	Câu 20. C	Câu 30. A	Câu 40. D	Câu 50. B

Câu 1. C

Thành ngữ: home and dry : thành công

Unsuccessful (a): không thành công

Hopeful (a): đầy hi vọng

Successful (a): thành công

Hopeless (a): vô vọng

=> home and dry = successful

=> Chọn C

Tạm dịch: Tôi có thể nhìn thấy đích đến và tôi nghĩ mình đã thành công.

Câu 2. B

Compulsory (a): bắt buộc

Paid(a): được trả phí

Required (a): được yêu cầu

Divided (a): được phân chia

Depended (a): bị lệ thuộc

=> Compulsory = Required

=> Chọn B

Tạm dịch: Đồng phục trường học là bắt buộc ở hầu hết các trường học ở Việt Nam.

Câu 3. C

>> Truy cập <http://tuyensinh247.com> để học Toán – Lý – Hóa – Sinh – Văn – Anh - Sử - Địa – GD&ĐT tốt nhất!

Không ai nhìn thấy Linda kể từ ngày diễn ra bữa tiệc.

- A. Bữa tiệc vẫn đang diễn ra mà không có mặt Linda.
- B. Không ai nhìn thấy Linda trong nhiều năm rồi.
- C. Linda đã không được nhìn thấy kể từ ngày diễn ra bữa tiệc.
- D. Linda đang ở đây để được thấy ở bữa tiệc.

Kiến thức: chuyển từ câu chủ động sang câu bị động

Câu chủ động: S1 + V + S2 + ... => S2 + to be + V3/PP + by S1 + ...

=> Chọn C

Câu 4. B

Lẽ ra tôi đã nên hoàn thành công việc tối qua nhưng tôi đã kiệt sức.

- A. Tôi đã hoàn thành công việc tối qua tôi nghĩ rằng tôi đã kiệt sức.
- B. Tôi đã kiệt sức vì vậy tôi đã không hoàn thành công việc của tôi ngày hôm qua như kế hoạch.
- C. Tối qua tôi đã kiệt sức nhưng tôi đã cố gắng để hoàn thành công việc của tôi.
- D. Công việc của tôi đã kết thúc tối qua nhưng tôi đã kiệt sức.

Kiến thức: S + Should have + V3/PP: lẽ ra nên làm nhưng đã không làm.

Nên câu gốc có nghĩa là: Tôi nên hoàn thành công việc tối qua nhưng tôi đã kiệt sức nên tôi không hoàn thành được.

=> Chọn B

Câu 5. D

Chưa bao giờ mọi người nhận được nhiều thông tin như bây giờ, nhờ có các chương trình tin tức trên truyền hình.

- A. Nhờ các chương trình tin tức truyền hình, mọi người giờ đây nhận được rất nhiều thông tin.
- B. Mọi người đã đang có được nhiều thông tin như vậy là nhờ các chương trình tin tức truyền hình.
- C. Các chương trình tin tức truyền hình có nhiều thông tin hơn trước và mọi người được thông tin tốt hơn.
- D. Mọi người nhận được thông tin hơn họ từng có trước đây, nhờ có các chương trình tin tức truyền hình.

Kiến thức: chuyển từ câu so sánh (không) ngang bằng sang so sánh hơn

So sánh ngang bằng: S1 + to be / V + not + so/as + adj/adv + as + S2.

So sánh không ngang bằng: S1+ to be/ V+ not+ so/as+ adj/adv+ as+ S2.

Câu này chỉ thay đổi cấu trúc mệnh đề trước bằng các cấp so sánh, mệnh đề sau giữ nguyên.

=> Chọn D

Câu 6. B

Đoạn văn 1 ủng hộ ý nào sau đây?

- A. Động đất gây ra nhiều thiệt hại hơn sóng thần.
- B. Sóng thần xảy ra song song với động đất.
- C. Loại hình thiên tai tàn khốc nhất là động đất.
- D. Động đất thường xảy ra sau sóng thần.

=> Chọn B

Câu 7. C

Từ “it” ở đoạn 2 ám chỉ đến.....

- A. Trái Đất
- B. hạt nhân
- C. vỏ Trái Đất
- D. vỏ ngoài

=> Chọn C

Câu 8. A

Bài đọc chủ yếu nói về?

- A. Động đất và sóng thần xảy ra như thế nào?
- B. Khi nào động đất có khả năng xảy ra nhất?
- C. Các thiên tai có thể gây ra những thiệt hại nào?
- D. Tại sao sóng thần gây nguy hiểm chết người hơn động đất?

=> Chọn A

Câu 9. A

Từ “adjoining” (tiếp giáp) được in đậm ở đoạn 2 gần nghĩa nhất với....

- A. giáp biên giới
- B. cư trú
- C. tiếp cận
- D. xuất hiện

=> Chọn A

Câu 10. B

Từ “perceive” (nhận thức) được in đậm ở đoạn 3 gần nghĩa nhất với.....

- A. thấu hiểu
- B. tìm ra/ phát hiện ra
- C. ngăn cản
- D. đặt / để/ có vị trí

=> Chọn B

Câu 11. A

Câu nào sau đây là đúng theo như bài đọc?

- A. Có nhiều loài riêng biệt tạo nên nó.
- B. Nó là tầng nhỏ nhất trong 3 tầng của Trái Đất.
- C. Ở trên nó dày hơn khi ở vỏ Trái Đất bao quanh bởi nước.
- D. Lớp vỏ bên dưới nó giữ cho nó không di chuyển quá nhiều.

=> Chọn A

Câu 12. D

Theo bài đọc câu nào đúng khi nói về sóng thần?

- A. Mỗi năm nó giết chết nhiều người hơn động đất.
- B. Nó có thể di chuyển với tốc độ nhanh như âm thanh.
- C. Nó có thể phá hủy những con tàu đang lênh đênh trên đại dương.
- D. Nó có thể gây chết người khi họ đứng gần bờ biển.

=> Chọn D

Câu 13. C

Ý nào sau đây không được đề cập ở đoạn 3 khi nói về động đất?

- A. Hầu hết chúng tàn khốc như thế nào.
- B. Chúng có thể gây ra loại thiệt hại nào.
- C. Chúng thường diễn ra mạnh như thế nào.
- D. Chúng gây thiệt hại bao nhiêu người.

=> Chọn C

Câu 14. B

Cách phát âm “ed”:

Có 3 cách phát âm ed trong tiếng anh là -/id/ -/t/ -/d/

- Đuôi ‘ed’ được phát âm là /id/ khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/

- Đuôi /ed/ được phát âm là /t/ khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ (về mặt chữ cái thường là các chữ s, ch, x, sh, k, ce, p, f, gh, ph

- Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với các trường hợp còn lại

=> Phần được gạch chân ở câu B được phát âm là /t/ còn lại được phát âm là /id/

=> Chọn B

Câu 15. C

Cách phát âm “-s/-es”

- Những từ tận cùng là /s/, /dʒ/, /ʃ/, /tʃ/,... được phát âm là /ɪz/

- Những từ tận cùng là /p/, /f/, /k/, /t/, /θ/ được phát âm là /s/

- Các trường hợp còn lại phát âm là /z/

=> Phần được gạch chân ở câu C được phát âm là /z/ còn lại phát âm là /ɪz/

=> Chọn C

Câu 16. A

Cấu trúc: It be suggested that + S + V₀

studies => study

Tạm dịch: Mọi người đề nghị Pedro nghiên cứu tài liệu kỹ hơn trước khi cố gắng thi đỗ kỳ thi.

=> Chọn A

Câu 17. C

Kiến thức: thì của động từ

‘have revealed’ ở thì hiện tại hoàn thành nên về còn lại chỉ chia thì quá khứ đơn để diễn tả hành động đã xảy ra trong quá khứ

Tạm dịch: Các cuộc khai quật ở các ngôi làng trên bờ tây của sông Euphrates đã cho thấy rằng một cộng đồng cổ đại đã nằm bên dưới những công trình tái kiến tạo sau đó của thành phố Babylon.

had been laying => laid

=> Chọn C

Câu 18. C

Kiến thức: sự hòa hợp giữa các động từ diễn tả hành động liên tiếp. “stood” và “wagged” cùng ở quá khứ đơn nên :

blinking => blinked

=> Chọn C

Tạm dịch: Chú chó con chậm chạp đứng dậy, vẫy đuôi, nheo mắt và sủa.

Câu 19. D

Don’t need to V₀: không cần làm gì (ở hiện tại)

Needn’t + V₀: không cần phải (ở hiện tại)

Didn’t need to + V₀: đã không cần (ở quá khứ)

Needn't have Ved/ V3: đáng lẽ ra không cần làm gì đó (trong quá khứ)

Tạm dịch: Tôi đã đến bác sĩ để khám tổng quát. - Bạn đáng lẽ ra không cần đi. Bạn đã khám tổng quát tuần trước rồi.

=> Chọn D

Câu 20. C

Cấu trúc câu điều kiện loại 3: But for + cụm danh từ, S + would/ could have Ved/ V3

=> loại B và D

Tạm dịch: Nếu không có sự hỗ trợ của bạn, chúng tôi không thể hoàn thành kế hoạch này.

=> Chọn C

Câu 21. B

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn => diễn tả hành động kéo dài từ thời điểm không xác định trong quá khứ cho đến hiện tại và để lại hậu quả hiện tại.

Công thức: S + have/ has been + V-ing

Tạm dịch: Tôi đã đứng đây nhiều giờ và tôi cảm thấy mệt.

=> Chọn B

Câu 22. A

Kiến thức: Từ vựng

reserves (n): khu bảo tồn

wildlife (n): động vật hoang dã

species (n): loài

forest (n): rừng

Tạm dịch: Nhiều quốc gia châu Á và châu Phi đã dành những phần đất được gọi là các khu bảo tồn để bảo vệ môi trường sống của voi và các động vật hoang dã khác.

=> Chọn A

Câu 23. C

Kiến thức: từ loại

Trước danh từ “advances” dùng tính từ

technologist (n): nhà công nghệ

technologically (adv)

technological (a): thuộc về công nghệ

technology (n): công nghệ

=> Chọn C

Tạm dịch: Mặc dù những cải tiến công nghệ gần đây, vẫn có nhiều nơi mà trường học không được trang bị máy tính.

Câu 24. A

Cấu trúc: S + asked + O + to V (bảo ai làm gì đó)

=> Chọn A

Tạm dịch: Tôi đã bảo sếp xin phép nghỉ một ngày để đi khám bệnh.

Câu 25. B

Kiến thức: Giới từ chỉ điểm

in: trong

at: tại (+ một điểm nào đó)

from: từ

on: trên

Tạm dịch: Do điều kiện thời tiết khắc nghiệt, chúng tôi phải đợi nhiều giờ sân bay.

=> Chọn B

Câu 26. A

Kiến thức: Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ

income (thu nhập – danh từ không đếm được) là chủ ngữ số ít nên động từ dạng số ít

Tạm dịch: ¼ thu nhập của tôi đã được dùng để trả nợ đại học.

=> Chọn A

Câu 27. C

Kiến thức: Trật tự của tính từ

Ý kiến nhận xét (funny) => màu sắc (red) => chất liệu (plastic)

=> Chọn C

Tạm dịch: Chú hề mang bộ tóc giả màu đỏ bằng nhựa buồn cười và chiếc mũ đỏ.

Câu 28. D

Kiến thức: tường thuật câu hỏi:

S + wanted to know + wh – word + S + động từ lùi thì

=> Chọn D

Tạm dịch: Benald muốn biết tôi đã ở đâu những ngày qua.

Câu 29. D

Kiến thức: Cấu trúc đảo ngữ

Not only + trợ động từ + S + động từ but also + S + V

Động từ “got” ở quá khứ => chọn D

Tạm dịch: Cô ấy không những thi đỗ kỳ thi mà còn nhận được học bổng.

Câu 30. A

Kiến thức: liên từ

Neither...nor...: không...cũng không

Both...and...: cả ...và

Either...or...: hoặc là

Tạm dịch: Không tôi hay Long đến bữa tiệc tối qua. Cả hai chúng tôi đều bận rộn.

=> Chọn A

Câu 31. D

Kiến thức: chức năng giao tiếp

Tuần tới Jack đi Luân Đôn.

Betty: “.....”

Jack: “ Cảm ơn. Mình sẽ viết thư cho bạn khi đến Luân Đôn.”

A. Chúc may mắn lần sau.

B. Đi thôi!

C. Chúa sẽ phù hộ cho bạn!

D. Chúc chuyến đi tốt đẹp nhé!

=> Chọn D

Câu 32. C

Sau khi hoàn thành công việc ở công ty lúc 6 giờ.

Anna: “Tối nay chúng ta ra ngoài ăn nhé!”

Jane: “.....”

A. Bạn thật tốt khi mời mình.

B. Không có gì đâu.

C. Ý kiến hay đó.

D. Thật không thể nào hiểu được.

=> Chọn C

Câu 33. A

Bạn tôi Albert đã quyết định mua một chiếc xe máy. Chiếc ô tô của anh đã bị đánh cắp vào tuần trước.

A. Bạn tôi Albert, người đã bị mất cắp xe tuần trước, đã quyết định mua một chiếc xe máy.

B. Bạn của tôi Albert có chiếc xe bị mất cắp tuần trước đã quyết định mua một chiếc xe máy.

C. Người bạn của tôi Albert đã quyết định mua một chiếc xe máy chiếc xe mà đã đánh cắp tuần trước.

D. Người bạn của tôi là Albert đã quyết định mua một chiếc xe máy có chiếc xe ô tô của anh ta bị đánh cắp tuần trước.

Kiến thức: mệnh đề quan hệ

Whose là đại từ quan hệ chỉ sự sở hữu. Whose đứng sau danh từ chỉ người hoặc vật, thường được ngăn cách bởi dấu phẩy; dùng để thay thế cho tính từ sở hữu trước danh từ.

Form: N1, whose N2+ V1, V2: cái N2 của N1 ...

=> Chọn A

Câu 34. B

Những đứa trẻ chạy đến cánh đồng để thấy con rồng, nhưng nó không còn ở đó nữa.

A. Con rồng đã rời đi vào lúc những đứa trẻ chạy đến cánh đồng.

B. Con rồng đã đi mất trước khi những đứa trẻ chạy đến cánh đồng.

C. Con rồng đã đi sau khi những đứa trẻ chạy đến cánh đồng.

D. Khi những đứa trẻ chạy đến cánh đồng, con rồng đã đi rồi.

Kiến thức: sự phối hợp của thì

Kết hợp thì quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành (diễn tả một hành động xảy ra trước một hành động khác trong quá khứ)

No longer: có trong quá khứ nhưng không còn ở hiện tại.

=> Chọn B

Câu 35. C

abundance (n): sự dồi dào, phong phú

A. số lượng lớn

B. vượt quá mức

C. số lượng nhỏ

D. sự đầy đủ

=> abundance >< small quantity

Tạm dịch: Hoa quả và rau củ phát triển dồi dào trên đảo này. Người dân trên đảo thậm chí còn xuất khẩu chúng.

=> Chọn C

Câu 36. A

advancing : cải thiện/ nâng cao

A. hold back : thụt lùi

- B. hold at => không tồn tại cụm động từ này
C. hold by => không tồn tại cụm động từ này
D. hold sb to sth: làm cho ai đó giữ lời hứa
=> advancing >< holding back

Tạm dịch: Trong suốt lịch sử 5 thập kỷ thế Vận hội châu Á đã cải tiến trong tất cả các lĩnh vực.

=> Chọn A

Câu 37. B

Đoạn văn chủ yếu là về _____.

- A. Tại sao nhóm The Beatles giải tán sau 7 năm
B. Danh tiếng và sự thành công của nhóm The Beatles
C. Cách nhóm The Beatles trở nên thành công hơn các nhóm khác
D. Nhiều người có khả năng hát một bài hát của nhóm The Beatles

Dẫn chứng: In the 1960s, The Beatles were probably the most famous pop group in the whole world...However, today some of their songs remain as famous as they were when they first came out.

=> Chọn B

Câu 38. B

Bốn chàng trai của nhóm The Beatles _____.

- A. ở cùng độ tuổi
B. đến từ một thị trấn ở phía Bắc nước Anh
C. đến từ cùng một gia đình.
D. nhận được sự huấn luyện tốt về âm nhạc

Dẫn chứng: They were four boys from the north of England and none of them had any training in music.

=> đáp án D sai, thông tin trong đáp án A, C không được đề cập đến trong bài.

=> Chọn B

Câu 39. A

Từ "sensational" có ý nghĩa gần nhất với _____.

- A. Sốc
B. Xấu
C. Hiển nhiên
D. Phổ biến

Sensational= Shocking (adj): giật gân, gây chú ý.

=> Chọn A

Câu 40. D

Những bài hát đầu tiên của Beatles _____.

A. Đã được trả rất nhiều tiền

B. Đã được phát sóng trên đài

C. Đã được viết bởi chính họ

D. Đã được viết bởi người Mỹ da đen

Đáp án A, B không được đề cập đến trong bài.

Đáp án C sai. They started by performing and recording songs by black Americans

Dẫn chứng: Then they started writing their own songs and that was when they became really popular.

=> Chọn D

Câu 41. B

Điều gì không đúng về The Beatles?

A. Họ trở nên nổi tiếng khi họ viết bài hát của mình

B. Họ đã có một sự nghiệp ổn định

C. Các thành viên đã không có sự đào tạo về âm nhạc

D. Họ sợ bị thương tích bởi người hâm mộ

Đáp án A đúng. Then they started writing their own songs and that was when they became really popular.

Đáp án C đúng. They were four boys from the north of England and none of them had any training in music.

Đáp án D đúng. because it had become too dangerous for them – their fans were so excited that they surrounded them and tried to take their clothes as souvenirs

Dẫn chứng: The Beatles did not have a long career. => Họ không có một sự nghiệp lâu dài.

=> Chọn B

Câu 42. D

The Beatles ngừng biểu diễn trực tiếp bởi vì _____.

A. Họ đã dành nhiều thời gian hơn để sáng tác bài hát của mình

B. Họ đã không muốn làm việc với nhau nữa.

C. Họ đã kiếm đủ tiền.

D. Họ sợ bị người hâm mộ gây thương tích.

Dẫn chứng: They stopped doing live performances in 1966 because it had become too dangerous for them – their fans were so excited that they surrounded them and tried to take their clothes as souvenirs!

=> Chọn D

Dịch bài đọc:

Trong những năm 1960, The Beatles có lẽ là nhóm nhạc pop nổi tiếng nhất trên thế giới. Kể từ đó, đã có rất nhiều nhóm nhạc đã đạt được danh tiếng to lớn, vì vậy có lẽ bây giờ khó tưởng tượng được The Beatles đã gây chú ý như thế nào vào thời điểm đó. Họ là bốn chàng trai từ phía bắc nước Anh và không ai trong số họ đã được đào tạo về âm nhạc. Họ bắt đầu bằng cách biểu diễn và thu âm các bài hát của người Mỹ da đen và họ đã có một số thành công với những bài hát này. Sau đó, họ bắt đầu viết bài hát của họ và đó là khi họ trở nên nổi tiếng. The Beatles đã thay đổi nhạc pop. Họ là nhóm nhạc pop đầu tiên đạt được thành công lớn từ những bài hát họ tự viết. Sau đó tạo sự phổ biến với các nhóm nhạc và ca sĩ để viết các bài hát của họ. The Beatles đã không có một sự nghiệp lâu dài. Kỷ lục hit đầu tiên của họ là vào năm 1963 và họ chia tay năm 1970. Họ dừng biểu diễn trực tiếp vào năm 1966 bởi vì nó trở nên quá nguy hiểm đối với họ - người hâm mộ của họ rất hào hứng đến nỗi họ vây quanh ban nhạc và cố gắng lấy quần áo của họ làm quà lưu niệm! Tuy nhiên, ngày hôm nay một số ca khúc của họ vẫn nổi tiếng như khi chúng mới ra mắt lần đầu tiên. Trên khắp thế giới, nhiều người có thể hát một phần bài hát Beatles nếu bạn yêu cầu họ.

Câu 43. C

Water is necessary for life. People can live

=> Chọn C

Câu 44. B

A. in: trong, tại, ở

B. without: không có, khỏi

C. for: cho, bởi vì

D. with: cùng với

Dựa vào bối cảnh câu, chọn từ “without” là hợp lý nhất.

People can live only a few days (44)_____ it. Yet nearly 25 million people die each year because of it. => Mọi người chỉ có thể sống được vài ngày nếu không có nó. Tuy nhiên, gần 25 triệu người chết vì thiếu nước mỗi năm.

=> Chọn B

Câu 45. A

- A. quality: chất lượng
- B. condition: điều kiện, quy định
- C. situation: hoàn cảnh, vị thế
- D. characteristics: đặc điểm

Hai từ “quality” và “quantity” thường đi cùng nhau vì đây là 2 tiêu chí phổ biến đánh giá một vật thể, sản phẩm nào đó.

Both industrial nations and less-developed countries are worried about the (45)_____ and quantity of water in the world. => Cả các nước công nghiệp và các nước kém phát triển đều lo lắng về chất lượng và số lượng nước trên thế giới.

=> Chọn A

Câu 46. D

- A. gets: có được, lấy được
- B. arrives: đi đến
- C. goes: đi đến, trôi qua
- D. comes: đi tới

come from= to be caused by something: đến từ, tạo thành từ ...

Most of the water we use (46)_____ from rivers, lakes, and the atmosphere. Less than one percent of the Earth's water is usable, and we use it over and over again. => Hầu hết nước mà chúng ta sử dụng đều có nguồn gốc từ sông, hồ và bầu khí quyển. Ít hơn một phần trăm nước của Trái Đất có thể sử dụng được, và chúng ta dùng đi dùng lại nó.

=> Chọn D

Câu 47. C

- A. facts: thực tế, sự thật
- B. things: vật, cái, thứ
- C. problems: vấn đề
- D. cases: hoàn cảnh

One of the (47)_____ about water is distribution. Water is not always distributed where the large (48)_____ centers are. => Một trong những vấn đề về nước là sự phân bố. Nước không phải lúc nào cũng được phân phối đến nơi có các trung tâm dân cư lớn.

=> Chọn C

Câu 48. A

- A. population: dân số, dân cư
- B. men: những người đàn ông
- C. women: những người phụ nữ
- D. people: con người

Water is not always distributed where the large (48)_____ centers are. => Nước không phải lúc nào cũng được phân phối đến nơi có các trung tâm dân cư lớn.

=> Chọn A

Dịch bài đọc:

Nước rất cần thiết cho cuộc sống. Mọi người chỉ có thể sống được vài ngày nếu không có nó. Tuy nhiên, gần 25 triệu người chết vì thiếu nước mỗi năm. Cả các nước công nghiệp và các nước kém phát triển đều lo lắng về chất lượng và số lượng nước trên thế giới.

Mặc dù con người, động vật, nông nghiệp và công nghiệp sử dụng nhiều nước, nhưng có nhiều nước trên trái đất. Nước bao phủ khoảng ba phần tư bề mặt trái đất. Tuy nhiên, 97,4 phần trăm của nó là nước muối. 3/4 lượng nước ngọt của trái đất bị đông lạnh trong sông băng và trong những tảng băng cực lớn. Hầu hết nước mà chúng ta sử dụng đều có nguồn gốc từ sông, hồ và bầu khí quyển. Ít hơn một phần trăm nước của Trái Đất có thể sử dụng được, và chúng ta dùng đi dùng lại nó.

Một trong những vấn đề về nước là sự phân bố. Nước không phải lúc nào cũng được phân phối đến nơi có các trung tâm dân cư lớn. Một số khu vực có đủ mưa, nhưng nó là tất cả số nước trong một hoặc hai mùa mưa ngắn.

Câu 49. A

- A. employer /im'plɔɪə/: người tuyển dụng
- B. reunite /ri:ju:'nait/: hòa giải, hợp nhất
- C. understand /ʌndə'stænd/: hiểu, biết
- D. recommend /rekə'mend/: gợi ý, khuyên bảo

Trọng âm của từ “employer” rơi vào âm tiết thứ hai, của các từ còn lại rơi vào âm tiết thứ ba.

=> Chọn A

Câu 50. B

- A. study /'stʌdi/: học tập

B.compare /kəm'peə/: so sánh

C. eastward /'i:stwəd/: phía đông

D.frighten /'fraitn/: hoảng sợ

Trọng âm của từ “compare” rơi vào âm tiết thứ hai, của các từ còn lại rơi vào âm tiết thứ nhất.

=> Chọn B

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com